Vài trò của RedirectURI trong chứng thực O2

Trong quá trình chứng thực OAuth 2.0, Redirect URI (URI chuyển hướng) có vai trò quan trọng để xác định nơi mà người dùng sẽ được chuyển hướng sau khi đã cho phép hoặc từ chối quyền truy cập ứng dụng của bên thứ ba.

Khi một ứng dụng muốn yêu cầu quyền truy cập vào tài nguyên của người dùng từ một nhà cung cấp dịch vụ (ví dụ: Facebook, Google), nó sẽ chuyển hướng người dùng đến nhà cung cấp dịch vụ đó để xác thực. Trong quá trình này, ứng dụng sẽ cung cấp Redirect URI của mình cho nhà cung cấp dịch vụ.

Sau khi người dùng xác thực thành công và cho phép ứng dụng truy cập vào tài nguyên của mình, nhà cung cấp dịch vụ sẽ chuyển hướng người dùng trở lại ứng dụng bằng cách sử dụng Redirect URI đã được cung cấp. Đồng thời, một mã truy cập hoặc mã xác thực sẽ được gửi kèm theo trong URL chuyển hướng.

Ứng dụng nhận mã truy cập hoặc mã xác thực từ Redirect URI và sau đó sử dụng nó để lấy mã thông báo truy cập từ nhà cung cấp dịch vụ. Mã thông báo truy cập này sẽ được sử dụng để thực hiện các yêu cầu truy cập tài nguyên của người dùng.

Redirect URI cũng có vai trò bảo mật trong OAuth 2.0. Nhà cung cấp dịch vụ sẽ chỉ chấp nhận chuyển hướng đến các URI đã đăng ký trước đó bởi ứng dụng. Điều này đảm bảo rằng mã truy cập hoặc mã xác thực không bị rò rỉ đến một địa chỉ không đáng tin cậy.

Tóm lại, Redirect URI đóng vai trò là cầu nối giữa ứng dụng và nhà cung cấp dịch vụ trong quá trình chứng thực OAuth 2.0. Nó cho phép người dùng được chuyển hướng trở lại ứng dụng sau khi xác thực thành công và cung cấp các thông tin cần thiết để ứng dụng có thể tiếp tục thực hiện các yêu cầu truy cập tài nguyên.

2.

Redirect URI có thể khác nhau trong từng nền tảng (platform) như Android, iOS, Windows và web. Mỗi nền tảng có cách thức định dạng và xử lý Redirect URI khác nhau để phù hợp với quy trình chứng thực trên nền tảng đó. Dưới đây là một số ví dụ về cách Redirect URI khác nhau trên các nền tảng phổ biến:

1. Android:
   * Redirect URI có thể được định dạng dưới dạng: **scheme://host** hoặc **scheme://host/path**. Ví dụ: **myapp://callback** hoặc **myapp://callback/login**.
   * Để sử dụng Redirect URI trên Android, bạn cần đăng ký URI scheme trong tệp Manifest của ứng dụng Android và cấu hình cho nhà cung cấp dịch vụ OAuth để chấp nhận URI scheme đã đăng ký.
2. iOS:
   * Redirect URI trên iOS có thể được định dạng dưới dạng: **scheme://host** hoặc **scheme://host/path**. Ví dụ: **myapp://callback** hoặc **myapp://callback/login**.
   * Tương tự như Android, để sử dụng Redirect URI trên iOS, bạn cần đăng ký URI scheme trong tệp Info.plist của ứng dụng và cấu hình cho nhà cung cấp dịch vụ OAuth để chấp nhận URI scheme đã đăng ký.
3. Windows:
   * Redirect URI trên Windows thường được định dạng dưới dạng URL hoàn chỉnh. Ví dụ: **https://www.example.com/callback** hoặc **ms-app://s-1-15-2-1234567890-1234567890-1234567890-1234567890-1234567890-1234567890-1234567890/callback**.
   * Trong ứng dụng Windows, bạn cần đăng ký và cấu hình Redirect URI trong tệp Package.appxmanifest.
4. Web:
   * Redirect URI trên web thường là một URL hoàn chỉnh. Ví dụ: **https://www.example.com/callback** hoặc **http://localhost:3000/callback**.
   * Khi đăng ký ứng dụng trên nhà cung cấp dịch vụ OAuth, bạn cần chỉ định Redirect URI chính xác của ứng dụng web của mình.

Lưu ý rằng cách định dạng và xử lý Redirect URI cụ thể còn phụ thuộc vào các thư viện, framework và cách triển khai của ứng dụng cụ thể trên mỗi nền tảng.

3.

Để cấu hình Redirect URI cho từng nền tảng trong Azure, bạn có thể làm theo các bước sau:

1. Đăng nhập vào Azure Portal ([https://portal.azure.com](https://portal.azure.com/)) bằng tài khoản quản trị của bạn.
2. Tìm và chọn ứng dụng mà bạn muốn cấu hình Redirect URI. Điều này có thể được thực hiện thông qua Azure Active Directory (Azure AD) hoặc Azure App Registrations (nếu bạn đang sử dụng Azure AD B2C).
3. Trong cài đặt ứng dụng, tìm đến phần "Authentication" hoặc "Authentication / Authorization" và tìm kiếm mục Redirect URIs.
4. Thêm Redirect URI cho từng nền tảng như sau:
   * Android: Định dạng Redirect URI cho Android có thể là **your-app-scheme://your-host**, ví dụ: **myapp://callback**.
   * iOS: Định dạng Redirect URI cho iOS có thể là **your-app-scheme://your-host**, ví dụ: **myapp://callback**.
   * Windows: Định dạng Redirect URI cho Windows thường là một URL hoàn chỉnh, ví dụ: **https://www.example.com/callback**.
   * Web: Định dạng Redirect URI cho ứng dụng web phụ thuộc vào URL của trang web của bạn, ví dụ: **https://www.example.com/callback**.

Lưu ý rằng mỗi nền tảng có định dạng Redirect URI khác nhau, vì vậy hãy đảm bảo rằng bạn cung cấp đúng định dạng cho từng nền tảng.

1. Sau khi thêm Redirect URI cho từng nền tảng, nhấp vào nút Lưu hoặc Áp dụng để lưu các thay đổi.

Quá trình cấu hình Redirect URI tại Azure có thể có một số biến thể tùy thuộc vào phiên bản và giao diện của Azure Portal. Tuy nhiên, các bước trên cung cấp một hướng dẫn chung để bạn bắt đầu cấu hình Redirect URI cho từng nền tảng trong Azure.

4.

Để lấy giá trị Redirect URI tương ứng với package name của ứng dụng trên các nền tảng khác nhau, bạn cần thực hiện các bước sau:

1. Android:
   * Trên Android, Redirect URI thường được gọi là URI scheme.
   * Để lấy giá trị Redirect URI tương ứng với package name trên Android, bạn cần kiểm tra trong tệp Manifest của ứng dụng. Tìm đến phần **<intent-filter>** có thuộc tính **android:name="android.intent.action.VIEW"** và **android:host** hoặc **android:pathPrefix** tương ứng với package name của ứng dụng. Giá trị **android:scheme** trong phần **<data>** chính là Redirect URI tương ứng với package name.
2. iOS:
   * Trên iOS, Redirect URI thường được gọi là URI scheme.
   * Để lấy giá trị Redirect URI tương ứng với package name trên iOS, bạn cần kiểm tra tệp Info.plist của ứng dụng. Tìm đến phần **CFBundleURLTypes** và kiểm tra giá trị **CFBundleURLSchemes** tương ứng với package name. Giá trị trong mảng **CFBundleURLSchemes** chính là Redirect URI tương ứng với package name.
3. Windows:
   * Trên Windows, Redirect URI thường là một URL hoàn chỉnh.
   * Để lấy giá trị Redirect URI tương ứng với package name trên Windows, bạn cần xem trong tệp Package.appxmanifest của ứng dụng. Tìm đến phần **Application** và kiểm tra giá trị của **Entry Point** hoặc **Protocol** tương ứng với package name. Giá trị trong phần **Entry Point** hoặc **Protocol** chính là Redirect URI tương ứng với package name.
4. Web:
   * Trên web, Redirect URI thường là một URL hoàn chỉnh.
   * Để lấy giá trị Redirect URI tương ứng với package name trên web, bạn cần xem cài đặt của ứng dụng web của mình. Thông thường, Redirect URI sẽ là URL của trang hoặc đường dẫn mà bạn đã cấu hình cho ứng dụng web của mình.

Lưu ý rằng các bước trên đề cập đến cách thủ công để lấy giá trị Redirect URI tương ứng với package name trên các nền tảng khác nhau. Tùy thuộc vào cách triển khai và cấu hình của ứng dụng của bạn, có thể có các phương pháp khác để lấy giá trị Redirect URI.